

2023 CHAU-SHI Series Yeangder Open

仰德集團

肇喜登峰巡迴賽-仰德公開賽

第一 & 二回合編組表



Grouping of Play for Rounds 1 & 2

地點：台北高爾夫俱樂部

上午場 Morning Session

112年8月1日(星期二)

TAIPEI GOLF CLUB

第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee		
1	6:30	1	32	10:50	10	王子銘	TWN	12	6:35	10	21	10:55	10	何昊青	TWN
						郭峯銓	TWN							許智傑	TWN
						陳國俊	TWN							陳奎宇	TWN
2	6:40	1	33	11:00	10	許孟男	TWN	13	6:45	10	22	11:05	10	許育誠	TWN
						張建棋	TWN							陳君吏	TWN
						洪駿剛	TWN							葉偉志	TWN
3	6:50	1	34	11:10	10	林文堂	TWN	14	6:55	10	23	11:15	10	許智凱	TWN
						黃冠勳	TWN							曾豐棟	TWN
						洪昭鑫	TWN							蔡宗佑	TWN
4	7:00	1	35	11:20	10	范姜皓詮	TWN	15	7:05	10	24	11:25	10	伴翔太郎	USA
						邱瀚霆	TWN							呂孫儀	TWN
						曾子軒	TWN							蔡雨達	TWN
5	7:10	1	36	11:30	10	王士瑞	TWN	16	7:15	10	25	11:35	10	李士鴻	TWN
						葉甫	TWN							溫楨祥	TWN
						詹益信	TWN							彭弘瑾	TWN
6	7:20	1	37	11:40	10	林耕緯	TWN	17	7:25	10	26	11:45	10	葉昱辰	TWN
						林大鎬	TWN							劉嚴鴻	TWN
						陳宥蓁	TWN							謝東宏	TWN
7	7:30	1	38	11:50	10	林義淵	TWN	18	7:35	10	27	11:55	10	謝繼賢	TWN
						連驪森	TWN							林宸駒	TWN
						郭時祈 A	TWN							卓宗霖	TWN
8	7:40	1	39	12:00	10	詹頂立	TWN	19	7:45	10	28	12:05	10	黃頌	TWN
						楊斐皓	TWN							沙比亞特·馬克	TWN
						Suyasri Parathakorn	THA							黃議增	TWN
9	7:50	1	40	12:10	10	詹佳翰	TWN	20	7:55	10	29	12:15	10	劉永華	TWN
						方傳崑	TWN							汪德昌	TWN
						Sarut Vongchaisit	THA							陳宣佺 A	TWN
10	8:00	1	41	12:20	10	江以安	TWN	21	8:05	10	30	12:25	10	張澤鵬	TWN
						許立朋	TWN							宋孟璋	TWN
						陳鳴悒	TWN							林上予 A	TWN
11	8:10	1	42	12:30	10	蕭和宇	TWN	22	8:15	10	31	12:35	10	楊豪	TWN
						辜柏雲	TWN							洪瑞誠	TWN
						蘇清安	TWN							何易叡	TWN

2023 CHAU-SHI Series Yeangder Open

仰德集團

肇喜登峰巡迴賽-仰德公開賽

第一 & 二回合編組表



Grouping of Play for Rounds 1 & 2

地點：台北高爾夫俱樂部

TAIPEI GOLF CLUB

下午場 Afternoon Session

112年8月1日(星期二)

第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country		
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee				
23	11:05	1	11	6:35	10	陳威勝	TWN	33	11:00	10	1	6:30	1	林遠惟	TWN		
						劉澤森	TWN									林張恆	TWN
						王宥崑	TWN									陳科壹	TWN
						楊浚頡	TWN									張奇偉	TWN
						王璽安	TWN									翁永田	TWN
						李謹州	TWN									劉宇軒 A	TWN
						林晟毓	TWN									賴嘉一	TWN
						蔡凱任	TWN									劉又睿	TWN
						方胤人	TWN									葉佳胤 A	TWN
						曾宏勝	TWN									蔣宸巒	TWN
24	11:15	1	12	6:45	10	林永龍	TWN	34	11:10	10	2	6:40	1	盧建順	TWN		
						呂文德52	TWN							蘇文祥	TWN		
						王偉祥	TWN							蔡啟煌	TWN		
25	11:25	1	13	6:55	10	高 藤	TWN	35	11:20	10	3	6:50	1	林 緯	TWN		
						陳裔東	TWN							余政諺	TWN		
						蔡辰錯	TWN							陳傑生	TWN		
26	11:35	1	14	7:05	10	何勁宏	TWN	36	11:30	10	4	7:00	1	陳暉泓	TWN		
						鄭存宸	TWN							蔡安杰 A	TWN		
						何祐誠	TWN							高尚宏	TWN		
27	11:45	1	15	7:15	10	施俊宇	TWN	37	11:40	10	5	7:10	1	黃韋豪	TWN		
						廖煥鈞	TWN							丁子軒	TWN		
						林冠伯	TWN							陳奕騫	TWN		
28	11:55	1	16	7:25	10	沈威成	TWN	38	11:50	10	6	7:20	1	范揚嘉	TWN		
						余松柏	TWN							賴韋綸	TWN		
						陳伯豪	TWN							陳志忠	TWN		
29	12:05	1	17	7:35	10	黃祥豪	TWN	39	12:00	10	7	7:30	1	黃琦鈞	TWN		
						王亮鈞	TWN							劉威汎	TWN		
						杜承晃	TWN							周宏男	TWN		
30	12:15	1	18	7:45	10	蔡銘鴻	TWN	40	12:10	10	8	7:40	1	李勝忠	TWN		
						林為超	TWN							徐國雄	TWN		
						陳伯豪	TWN										
31	12:25	1	19	7:55	10	黃祥豪	TWN	41	12:20	10	9	7:50	1				
						王亮鈞	TWN										
						杜承晃	TWN										
32	12:35	1	20	8:05	10	蔡銘鴻	TWN	42	12:30	10	10	8:00	1				
						林為超	TWN										
						陳伯豪	TWN										